

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam**

Công ty: CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 08 – 39453301 – 39453302

Fax: 08 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty CP Nhựa Việt Nam.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

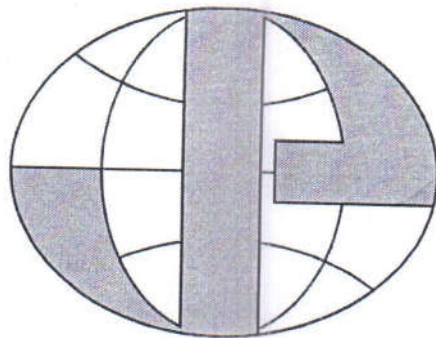
Ngày 19 tháng 04 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trịnh Thị Mai Hương



VINAPLAST

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Năm báo cáo 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300381966
- Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh chưa điều chỉnh: 198.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn điều lệ theo quyết định số 944/QĐ-BCT ngày 07/02/2013 của Bộ Công Thương: 194.289.130.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.289.130.000 đồng
- Trụ Sở chính:
 - Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
 - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn
- Văn phòng đại diện:
 - Địa chỉ: 39A Ngô Quyền, Tầng 6, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Tel: (84-4) 22206091 – 22206097 – Fax: (84-4) 22206094
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập từ những năm 70, quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

- Tháng 3/1976 Công ty tạp phẩm (tiền thân của Công ty Nhựa Việt Nam) được thành lập với các sản phẩm chủ yếu bao gồm sản phẩm nhựa, da giấy, chất tẩy rửa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm...
- Để đáp ứng nhu cầu phát triển phù hợp với tình hình đổi mới của nền kinh tế, năm 1987, Công ty tạp phẩm đã được Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 421/CNn-TCCB ngày 01/12/1987 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm. Sản phẩm chính của Liên hiệp là sản phẩm nhựa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm.
- Năm 1989, Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 437/CNn-TCLĐ ngày 11/11/1989 đổi

tên Liên hiệp các Xí nghiệp Nhựa và Tập phẩm thành Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa và lấy tên giao dịch là VINAPLAST.

- Năm 1995, Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa được đổi tên thành Công ty Nhựa Việt Nam.
- Năm 1996, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, Tổng Công ty Nhựa Việt Nam được hình thành tại Quyết định số 1189/QĐ-TCCB ngày 07/5/1996 bao gồm các doanh nghiệp Nhựa Nhà nước trực thuộc Trung ương với tên giao dịch vẫn được giữ nguyên là VINAPLAST, trong đó Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị nòng cốt để hình thành nên Tổng Công ty và thay thế Bộ Công nghiệp thực hiện vai trò quản lý ngành.
- Năm 2003, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình mới của nền kinh tế, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 72/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 thành lập Công ty Nhựa Việt Nam trên cơ sở bộ máy của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam (cũ), được kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
- Ngày 23/09/2008 VINAPLAST chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 198.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh Giang cấp ngày 23/09/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20/08/2013. Công ty đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Bộ Công Thương và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 là 194.289.130.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
2	Đại lý, môi giới, đấu giá.	4610
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4669
6	In ấn.	1811
7	Quảng cáo.	7310

Stt	Tên ngành	Mã ngành
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện.	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
12	Tái chế phế liệu.	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn thực phẩm	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
26	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành Kinh doanh Việt Nam (Được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, số ĐKKD: 4106000201, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 28/6/2006)	

3.2 Địa bàn kinh doanh

- Công ty được phép hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

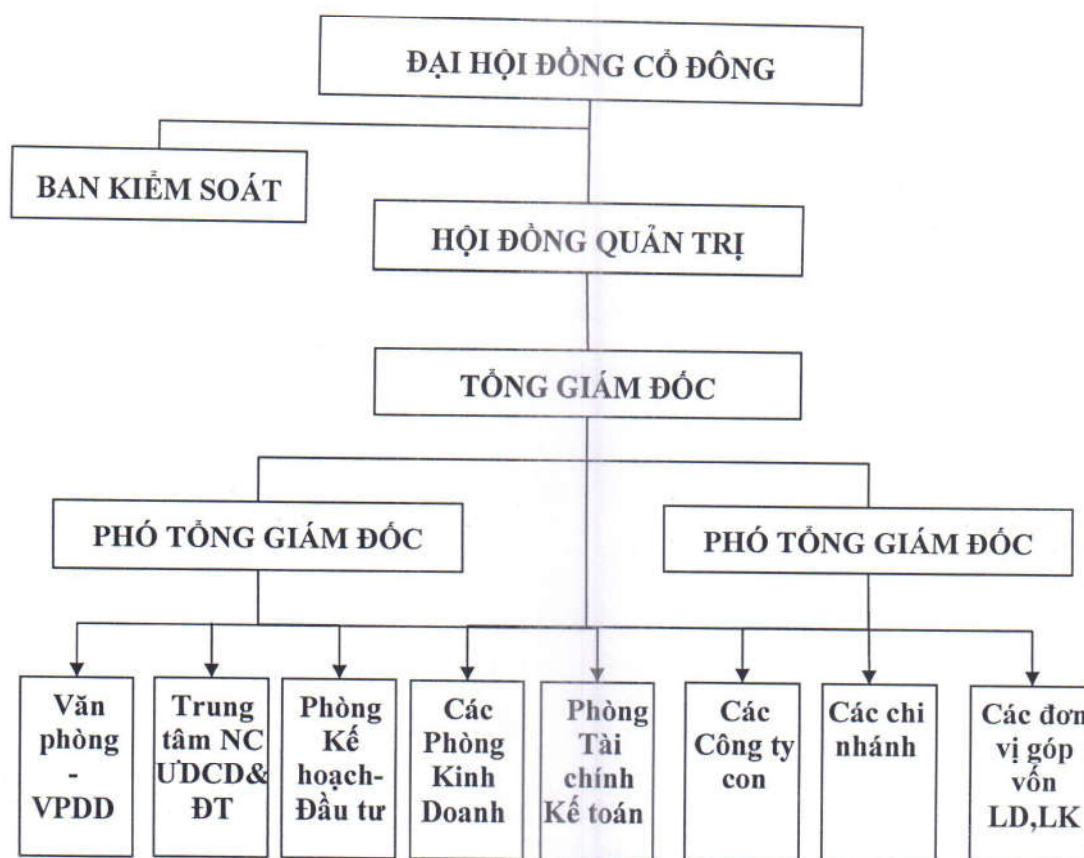
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty

- Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



4.3. Các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết:

4.3.1 Các công ty con

4.3.1.1 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An

- Địa chỉ: 18C Phạm Đình Hồ, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn sắt thép; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.1.2 Công ty CP Nhựa Việt Phước

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ Plastic; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt thi công sản phẩm từ Plastic; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán sản phẩm từ Plastic.
- Tỷ lệ vốn góp: 99,52% vốn điều lệ

4.3.1.3 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm nhựa. Bán buôn phụ gia, hóa chất, dung môi, mực in ngành nhựa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.1.4 Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm từ nhựa. Bán buôn phụ gia. Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán buôn tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở), chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán lẻ sản phẩm từ nhựa. Bán lẻ phụ gia. Bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán lẻ dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán lẻ tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa, ngành giấy, ngành xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L, chữ I); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, xi

măng. Bán buôn bồn tắm, chậu rửa, bể xí, đồ sứ vệ sinh khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường hàng không, hóa lỏng khí để vận chuyển).

- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.2 Các công ty liên doanh

4.3.2.1 Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem

- Địa chỉ: Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hạt nhựa PVC
- Tỷ lệ vốn góp: 27,51% vốn điều lệ

4.3.2.2 Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina

- Địa chỉ: Khu CN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất nhựa PVC.
- Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ

4.3.3 Các công ty liên kết

4.3.3.1 Công ty CP Nhựa Vân Đồn

- Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: mua bán sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, vật tư sản xuất, máy móc thiết bị phụ tùng khuôn mẫu ngành nhựa; In bao bì; Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trực in ngành nhựa; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo trực in ngành nhựa (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà ở; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải).
- Tỷ lệ vốn góp: 20,69% vốn điều lệ

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu

Để Công ty ngày càng ổn định và phát triển, Công ty hướng tới các mục tiêu cơ bản như sau:

- Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận thông qua các biện pháp quản lý tiên tiến với mục đích:

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện.
- Hình thành các Nhà máy sản xuất nhằm đưa các đề tài nghiên cứu khoa học vào ứng dụng thử nghiệm trong sản xuất, vừa gây dựng và phát triển thương hiệu, vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động, đẩy mạnh năng suất lao động.
- Thực hiện một số dự án đầu tư mới với vốn đầu tư nhỏ, thu hồi vốn đầu tư nhanh trên cơ sở cân đối các nguồn vốn và nhu cầu thị trường, tận dụng kinh nghiệm các cán bộ kỹ thuật ngành nhựa có nhằm tạo ra các sản phẩm nhựa mang thương hiệu Vinaplast do chính Vinaplast sản xuất.
 - Thoái vốn tại các đơn vị khó kiểm soát hoặc đầu tư vốn không có hiệu quả.
 - Thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty, tiến tới việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.

5.2 Tái cấu trúc Công ty

5.2.1 Tái cơ cấu tổ chức & quản trị của Công ty

- Đảm bảo vai trò đầu mối, định hướng phát triển của Vinaplast.
- Hoàn thiện, tinh gọn bộ máy quản lý nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả trong điều hành, hoạt động.
- Thực hiện hiệu quả công tác giám sát, kiểm soát hoạt động các công ty thành viên của Công ty nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt chủ động cho các đơn vị thành viên trong hoạt động SXKD thường nhật.
- Tạo ra các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính lớn và chuyên ngành mạnh trên cơ sở cơ cấu lại các doanh nghiệp theo hướng tập trung nguồn lực và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính.
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Tăng cường năng lực của Người đại diện phần vốn, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và hạn chế kiêm nhiệm.

5.2.2 Tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh

Sau khi tái cơ cấu, Công ty sẽ vẫn tập trung phát triển các ngành nghề là thế mạnh và cốt lõi với các nội dung chính như sau: nhiệm vụ kinh doanh chính trước mắt vẫn là kinh doanh thương mại, cho thuê tài chính và duy trì sản xuất các sản phẩm hiện có, từng bước giảm dần đầu tư tài chính theo lộ trình để tiến tới tập trung vào sản xuất sản phẩm mới sau khi có nguồn vốn triển khai các dự án đầu tư

5.2.3 Tái cơ cấu đơn vị thành viên

- Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh theo hướng tinh giảm, hiệu quả, tránh cạnh tranh nội bộ.
- Giảm vốn, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả hoặc các khoản đầu tư không phải sở trường sản xuất kinh doanh hoặc các đơn vị có vốn chi phối nhỏ, không đủ để quyết định đến hoạt động của đơn vị.
- Chú trọng vào các công ty đóng vai trò quan trọng mà Công ty có thể quyết định được các vấn đề liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư. Đây là các công ty cần phải duy trì để đóng góp vào giá trị hợp nhất của Vinaplast.

Đây là những công ty có hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo phù hợp với định hướng đầu tư và phát triển của Công ty, đặc biệt là trong định hướng phát triển giá trị gia tăng trong các sản phẩm của Công ty; định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm công nghệ cao trong nước chưa sản xuất được và thay thế nhập khẩu cũng như các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa các đơn vị thành viên để khai thác các sản phẩm trong nội bộ công ty nhằm đảm bảo hiệu quả chung của toàn Công ty.

5.2.4 Tái cơ cấu tài chính

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả cao.
- Ưu tiên cho phát triển các sản phẩm sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Ưu tiên vốn trả nợ khoản vay ngắn hạn để duy trì, ổn định sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao giá trị lợi nhuận tuyệt đối.

5.2.5 Đổi mới công tác quản trị nguồn nhân lực

- Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Bố trí hợp lý, khai thác tối đa năng lực của người lao động.
- Xây dựng lại định biên lao động và thang bảng lương phù hợp theo hiệu quả công việc.
- Tinh giảm nhân sự, xây dựng bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả.
- Xây dựng quy định đánh giá chất lượng công việc, thời gian hoàn thành công việc theo mức A,B,C làm cơ sở để trả lương cho người lao động.
- Có các cơ chế lương, thưởng và phúc lợi thích hợp để người lao động yên tâm công tác cũng như thu hút thêm nguồn lao động mới với chất lượng cao.

5.2.6 Đổi mới về Quy hoạch đầu tư

- Đầu tư vào các ngành nghề chính, đặc biệt chú trọng phát triển các ngành sản xuất nguyên liệu phụ trợ, các ngành công nghệ cao trong nước chưa sản xuất được cũng như các ngành sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Đầu tư mới các dự án đầu tư nhỏ, thu hồi vốn nhanh và phù hợp với nhu cầu thị trường. Đảm bảo tính hiệu quả của các dự án khi tiến hành đầu tư cũng như khi đưa vào hoạt động.

5.2.7 Tái cấu trúc sở hữu

- Tăng quy mô vốn điều lệ đối với các đơn vị thành viên kinh doanh hiệu quả và hoạt động trong các ngành chính.
- Thoái 100% vốn tại các công ty thành viên hoạt động kém hiệu quả hoặc không cần thiết phải nắm giữ vốn do khó kiểm soát, địa bàn hoạt động không thuận lợi...

6. Các rủi ro:

- Rủi ro lớn nhất của Công ty hiện nay là tính thanh khoản. Với số vốn điều lệ được xây dựng từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần là 198.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại nên sử dụng vốn lớn trong khi việc góp vốn vào các công ty liên doanh doanh liên kết được kế thừa từ trước khi cổ phần hóa đã chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vốn. Chính vì vậy, Công ty hoạt động kinh doanh hoàn toàn bằng vốn vay.

Hiện nay, Công ty vẫn đang mất cân đối tài chính, áp lực lãi vay ngân hàng lớn, đặc biệt với hoạt động cho thuê tài chính thiết bị ODA không có hiệu quả trong khi phải vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán khoản nợ dài hạn đến hạn. Ngoài ra, vốn đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi cổ tức thu về từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.

- Thay đổi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tín dụng...
- Biến động chênh lệch tỷ giá (đồng USD, CNY)...
- Rủi ro về biến động về giá nguyên liệu nhựa, thu hồi công nợ....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Nội dung	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	149.636	132.992	88,88%

Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	88.334	18.937	21,43%
Cổ tức	%	0	0	

1.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất

Nội dung	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	213.901	201.848	94,36
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	77.385	36.432	47,08
Cổ tức	%			

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)
Ông Phan Trung Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/6/2018)
Bà Lê Ngọc Diệp	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)
Ông Vũ Hân	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)

2.1.1.1 Ông Lê Hoàng

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/7/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001061000600 cấp ngày 20/12/2013 cấp tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 116 Yên Phụ - Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:

Từ 1984 đến 1993	Cán bộ kế toán Công ty tạp phẩm – Liên hiệp SX – XNK Nhựa – Tổng Cty Nhựa Việt Nam.
Từ 1994 đến T5/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Nhựa Thăng Long – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ T06/2004 đến T11/2004	Phó Giám đốc Nhà máy nhựa Thăng Long
Từ 12/2004 đến 6/2013 Từ 6/2013 đến T8/2015	Giám đốc Công ty CP Nhựa Thăng Long, Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 3/2008 đến 6/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 2009 đến T9/2014	Đại diện phần vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 11/2009 đến 6/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 12/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An.
Từ 8/2011 đến T7/2013	Chủ tịch HĐQT Cty CP SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An
Từ 28/6/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam đốc (miễn nhiệm Tổng Giám đốc từ 01 tháng 7 năm 2016)
Từ T8/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước (miễn nhiệm ngày 22/12/2016). Thành viên HĐQT Youlchon Vina (miễn nhiệm ngày 29/7/2016), Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch công ty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An
 - Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.
- Số CP nắm giữ: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.2 Ông Phan Trung Nam

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/6/1985
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 023538814, cấp ngày 14/6/2008 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: KA25D Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, HCM
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 08/2006 đến 12/2010	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST
Từ 01/2011 đến 9/2013	Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 10/2013 đến 27/6/2016	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước (bổ nhiệm ngày 22/12/2016)
Từ 10/2013 đến T6/2018	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 5/2014 đến nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
Từ 7/2014 đến 5/2015	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ tháng 5/2015 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ 29/7/2016 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa YCC Vina
Từ 01/7/2016 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa YCC Vina

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước (từ 22/12/2016)
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
- Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.3 Bà Vũ Thị Minh Thục

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch đầu tư
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001179000982, cấp ngày 27/11/2013 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Lợi - Huyện Nam Trực - Tỉnh Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 113, B1, Ngõ 203 Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ T8/2001 đến T8/2002	Công tác tại Công ty Nghiên cứu thị trường Taylor Nelson Sofres - Chuyên viên nghiên cứu thị trường
Từ T8/2002 đến T7/2003	Công tác tại Chi nhánh Hưng Yên - Công ty XNK Sành Sứ Thủy tinh Việt Nam thuộc Tổng Công ty Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp, Bộ Công nghiệp - Chuyên viên lao động tiền lương
Từ T7/2003 đến T2/2006	Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư
Từ T2/2006 đến T10/2006	Phụ trách nhóm KHĐT tại VPĐD tại Hà Nội
Từ T10/2006 đến T10/2008	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty Nhựa Việt Nam.

Từ T10/2008 đến T7/2013	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ T11/2012 đến T3/2013	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ T5/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 4.227.533 cổ phiếu, chiếm 21,76 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phiếu, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.4 Bà Lê Ngọc Diệp

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/09/1976
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quê quán : Hòa An – Cao Bằng
- Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
- Số CMND : 001176016811, cấp ngày: 17/11/2017 tại CTCCSĐKQLCTVDLQG về dân cư
- Địa chỉ thường trú : C4 Ngõ 193 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số ĐT liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng – Tài chính Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội; Thạc sĩ Đại học Quốc gia Singapore
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
-----------	----------------------------

05/1999-12/1999	Cán bộ Tổng cục Đầu tư phát triển – Bộ Tài chính
01/2000 - 07/2008	Chuyên viên Kho bạc Nhà nước Việt Nam
08/2008- nay	Chuyên viên, Phó trưởng ban – Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.
7/2013 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí.
21/6/2017 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.5 Vũ Hân

- Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/05/1983
- Nơi sinh: Nghệ An
- CMND: 186177903 cấp ngày 28/03/2017 tại CA. Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Diễn Đoài – Diễn Châu – Nghệ An
- Số ĐT liên lạc:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 07/2005 đến 06/2007	Nhân viên Phòng TCKT Công ty TNHH SX-TM –DV Cảnh Dương.
------------------------	---

Từ 07/2007 đến 12/2014	Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH SX-TM – DV Cảnh Dương.
Từ 01/2015 – nay	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH You Jie.
Từ 28/6/2018 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Công ty TNHH You Jie.
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.6 Bùi Quốc Thịnh

- Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/08/1985
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND: 056085000062 cấp ngày 21/02/2017 tại CTCCSĐKQLCTVDLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 3/6 Phan Tây Hồ - P7 – Phú Nhuận – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc:
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Quá trình công tác:

Từ 06/2006 đến 12/2009	Nhân viên Phòng TCKT Công ty TNHH Tân Hiệp Phát
Từ năm 01/2010 đến 10/2015	Kế toán tổng hợp – Kế toán Công ty TNHH Tân Hiệp Phát
Từ 10/2015 đến 06/2016	Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và truyền thông An Tín

Từ 06/2016 đến 10/2017	Kế toán trưởng – Công ty CP Gold Food Việt Nam
Từ 10/2017 đến nay	Phó trưởng phòng TCKT Công ty CP Thực phẩm sức khỏe Việt
Từ ngày 29/6/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2 Ban kiểm soát

2.1.2.1 Ông Cao Minh Tâm

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1974
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 079074002144 cấp ngày 08/07/2016 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 243/103B1 Tôn Đức, Phường 15, Quận 4, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0913161881
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1996 – 6/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST.
Từ 07/2011– nay	Chuyên viên văn phòng VINAPLAST
Từ 3/2008 – nay	Trưởng ban kiểm soát VINAPLAST.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên BKS Youlchon Vina.

Từ 01/12/2014 đến nay	Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
Từ 7/2015 đến T9/2017	Người công bố thông tin

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước.
 - Thành viên BKS Youlchon Vina
 - Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2.2 Bà Âu Thị Chi

- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1987
- Nơi sinh: Lâm Đồng
- CMND: 025952828 cấp ngày 18/11/2014 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Nùng
- Quê quán: Lạng Sơn
- Địa chỉ thường trú: 154C/21 Âu Dương Lân – P3 – Q8 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0902092021
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 9/2010 – 10/2010	Kế toán nội bộ Công ty See Com.
Từ 10/2011 – 09/2012	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Điện tử Đặng Nguyễn
Từ 10/2012-04/2014	Nhân viên kế toán Công ty TNHH TMDV Nhựa Việt Nam.
Từ 05/2014 - nay	Nhân viên Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ:

	0 cổ phiếu, chiếm	0% vốn điều lệ
○ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm	0% vốn điều lệ.
○ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm	0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2.3 Ông Chu Thế Hoàng

- Chức vụ: Thành viên kiểm soát
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/09/1981
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 013332518 cấp ngày 13/8/2010 tại CA. TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đội Lĩnh, Đội Sơn, Duy Tiên, Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: 26/64 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 0982326481
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Đại học Xây dựng Hà Nội
- Quá trình công tác:

Từ 2004 – 10/2008	Công ty tư vấn đầu tư và Thương mại.
Từ 10/2008 - nay	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.
Từ 21/6/2017 - nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP In khoa học Kỹ thuật
- Số CP nắm giữ:

	0 cổ phiếu, chiếm	0% vốn điều lệ
○ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm	0% vốn điều lệ.
○ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm	0% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.3 Các chức danh khác:

2.1.3.1 Ông Phan Trung Nam- Tổng giám đốc (như mục 2.1.1.2)

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

- Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 30 người, cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Lao động bình quân	45	100	30	100
a	Chia theo trình độ				
	Trên đại học	3	6,67	3	10,00
	Đại học	22	48,89	24	80,00
	Cao đẳng	5	11,11	1	3,33
	Trung cấp nghề	5	11,11		
	Lao động phổ thông	10	22,22	2	6,67
B	Chia theo vùng miền				
	Phía Nam	42	93,33	28	93,33
	Phía Bắc	3	6,67	2	6,67

3.2. Chính sách đối với người lao động:

3.2.1 Chế độ làm việc:

3.2.1.1 Thời gian làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc tuần 40 giờ từ thứ Hai tới thứ sáu, nghỉ thứ bảy và Chủ nhật.

3.2.1.2 Điều kiện làm việc:

- Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát.
- CBCNV được trang bị đầy đủ đồng phục

3.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

3.2.2.1 Tuyển dụng:

- Do Công ty không tập trung sản xuất, nên việc tuyển dụng chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

3.2.2.2 Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề:

3.3 Công tác đào tạo và tự đào tạo được chú trọng, đối với khối văn phòng và bộ phận quản lý tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

3.4 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

3.3.1 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

3.3.2 Bảo hiểm:

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Công ty không có đầu tư lớn trong năm 2018

4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

4.2.1 Công ty con:

4.2.1.1 Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đã góp 99,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước. Tính đến ngày 31/12/2018 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Việt Phước:

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	36.485.031.140	39.066.251.869	
Tài sản dài hạn	16.084.744.454	14.276.573.805	
Nợ ngắn hạn	24.689.599.845	26.493.094.358	
Nợ dài hạn	4.114.110.000	3.712.672.035	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	22.407.000.000	22.407.000.000	
Doanh thu thuần	65.630.261.510	74.242.021.050	
Lợi nhuận sau thuế	1.273.065.749	645.459.281	

4.2.1.2 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An. Tính đến ngày 31/12/2018 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	1.562.661.941	294.654.218	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	4.447.698.043	4.047.698.043	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần		349.687.023	
Lợi nhuận sau thuế	(1.740.108.755)	(868.007.723)	

4.2.1.3 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một. Tính đến ngày 31/12/2018 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một:

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	218.473.195	161.658.714	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	168.658.444	188.658.444	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần			
Lợi nhuận sau thuế	(892.797.423)	(76.814.481)	

4.2.1.4 Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2018 tình hình tài chính Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam như sau:

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	1.057.394.909	593.425.597	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	70.000.000		
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1.119.385.500	725.197.895	

Doanh thu thuần			
Lợi nhuận sau thuế		218.293	

4.2.2 Công ty liên doanh, liên kết:

4.2.2.1 Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 27,51% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem. Tính đến ngày 31/12/2018 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	115.944.327.535	152.888.378.498	
Tài sản dài hạn	36.974.309.802	30.979.722.265	
Nợ ngắn hạn	103.302.482.445	135.819.041.490	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	44.279.528.312	44.279.528.312	
Doanh thu thuần	299.019.967.081	340.087.901.330	
Lợi nhuận sau thuế	(2.050.054.241)	(1.567.095.619)	

4.2.2.2 Công ty Liên Doanh TPC Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 15% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh TPC Vina. Tính đến ngày 31/12/2018 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh TPC Vina như sau:

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	935.975.406.189	1.052.454.955.128	
Tài sản dài hạn	703.230.378.814	645.767.375.643	
Nợ ngắn hạn	821.127.944.363	737.031.913.238	
Nợ dài hạn	10.711.326.500	12.075.909.500	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	662.620.000.000	662.620.000.000	
Doanh thu thuần	4.147.607.854.411	4.446.866.884.231	
Lợi nhuận sau thuế	235.656.893.668	288.009.993.893	

4.2.2.3 Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 20,69% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Đến ngày 16/04/2019, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty CP Nhựa Vân Đồn nên công ty cập nhật theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty CP Nhựa Vân Đồn lập (chưa được kiểm toán).

Khoản mục	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	282.672.884.386	346.868.231.865	
Tài sản dài hạn	189.062.214.395	139.608.732.314	
Nợ ngắn hạn	313.788.611.853	343.797.308.415	
Nợ dài hạn	2.950.905.359		
Vốn đầu tư chủ sở hữu	81.000.000.000	81.000.000.000	
Doanh thu thuần	689.411.046.059	252.395.427.416	
Lợi nhuận sau thuế	1.866.939.858	(6.477.517.435)	

5. Tình hình tài chính của Công ty CP Nhựa Việt Nam

5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	393.441.290.860	321.855.893.965	- 18,19%
Doanh thu thuần	149.636.904.827	132.992.544.083	- 11,12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.683.909.944	18.453.729.287	+ 224,66%
Lợi nhuận khác	82.650.733.802	483.894.157	-99,41%
Lợi nhuận trước thuế	88.334.643.746	18.937.623.444	-78,56%
Lợi nhuận sau thuế	71.361.933.875	22.310.755.041	-68,74%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,8	0,8	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,7	0,7	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,7	0,6	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,2	1,7	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho	6,7	7,1	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,4	0,4	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,5	0,2	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,8	0,2	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,2	0,06	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,14	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 19.428.913 cổ phiếu. Tất cả cổ phần đang lưu hành được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

6.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018:

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Cổ đông Nhà nước	12.794.342	65,85	
2	Cổ đông là tổ chức	1.298.000	6,68	
3	Cổ đông cá nhân	5.336.571	27,47	
Tổng cộng		19.428.913	100,00	

7. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

8. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

9. Các chứng khoán khác:

- Hiện tại. Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

10. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

10.1 Tình hình sản xuất kinh doanh

10.1.1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

10.1.1.1 Kết quả kinh doanh Công ty CP Nhựa Việt Nam

* Kết quả kinh doanh năm 2017 Công ty Mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
----------	-----	---------	-----------	-----------



			Năm 2016	Năm 2017	2017/KH	2017/2016
Doanh thu	Tỷ.đồng	273,09	208,28	210,69	77,15	101,16
Doanh thu bán hàng	Tỷ.đồng		189,35	149,63		79,02
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng		18,93	61,06		322,56
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng		15,88	20,85		131,30
Trong đó CP lãi vay	Tỷ.đồng	11,00	13,52	9,77	88,82	72,26
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng		4,07	2,34		57,49
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng		(3,65)	34,73		
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	26,46	2,23	88,33	333,82	3.960,98
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đồng	9,75	2,23	71,36	731,90	3.200
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

- Doanh thu thực hiện tăng 1,16% so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ đạt 77,15% so với nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 do:

+ Do giá nguyên liệu nhựa biến động khó lường nên để hạn chế hàng tồn kho, giảm thiểu việc ứ đọng vốn Công ty phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp.

+ Công ty chú trọng vào việc thu hồi công nợ, giảm số ngày cho khách hàng nợ, ưu tiên việc bán thu tiền ngay nên doanh thu bán hàng giảm so với năm trước.

+ Trong năm, Công ty ghi nhận việc tăng doanh thu từ việc chuyển nhượng Tòa nhà 39A Ngô Quyền (tài sản đã ký Hợp đồng chuyển nhượng năm 2016 nhưng nhận hết tiền và bàn giao trong năm 2017).

- Tổng các khoản đầu tư tài sản dài hạn của Công ty là 151,21 tỷ, trong khi đó, vốn chủ sở hữu là 94,22 tỷ với nguyên nhân vẫn do ảnh hưởng của các khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Theo quy định hiện hành, Công ty đã phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính của một số đơn vị theo chế độ do các đơn vị này có hoạt động kinh doanh lỗ. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty, số lỗ lũy kế tính đến 31/12/2017 vẫn còn hơn 100 tỷ đồng.

- Công ty đã sử dụng vốn để đầu tư dài hạn, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Trong năm, chi phí lãi vay giảm 27,4% do công ty thu được khoản tiền từ việc thanh lý tòa nhà 39A Ngô Quyền. Công ty đã sử dụng khoản tiền thu được để trả nợ vay ngân hàng làm giảm áp lực về trả nợ và áp lực lãi vay.

Mặc dù có nguồn thu từ việc chuyển nhượng tài sản làm giảm chi phí lãi vay nhưng chi phí tài chính tăng 23,8% so với năm 2016 chủ yếu là do chênh lệch tỷ giá đồng NDT tăng (khoản đầu tư bằng nguồn vốn ODA Trung Quốc).

- Chi phí quản lý trong năm tăng cao do phải trích lập dự phòng nợ khó đòi theo quy định.

- Nợ phải thu ngắn hạn là 86,85 tỷ, tăng 26,07% so với cùng kỳ, trong đó nợ phải thu khách hàng là 84 tỷ, khách hàng chiếm dụng vốn lớn nhất là Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (là

công ty liên kết của Công ty) với dư nợ là 43,87 tỷ, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long dư nợ là 7,66 tỷ. Vì vậy, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và thuê dịch vụ đòi nợ một số khoản nợ khó đòi khác.

- Trong năm, do sản xuất kết nhựa tại Củ Chi không hiệu quả, Công ty đã giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, thanh lý hàng tồn kho... chấm dứt hoạt động nhằm ngăn chặn lỗ phát sinh. Đồng thời, với bộ máy VPĐD công kênh, Công ty đã thực hiện tinh giảm nhân sự, trả lại nhà, đất tại 18C Phạm Đình Hồ. Tuy nhiên, việc hoàn trả diện tích chưa được hoàn tất, Công ty vẫn phải trả tiền thuê nhà, đất do chưa bàn giao toàn bộ diện tích nhà, đất cho cơ quan quản lý (trước đây Ban Lãnh đạo Công ty đã điều động nhà cho cán bộ của cơ quan ở từ năm 1992)

- Lợi nhuận trong năm tăng đột biến là do thu nhập bất thường từ việc chuyển nhượng Tòa nhà 39A Ngô Quyền và cổ tức thu được của công ty liên doanh.

*** Kết quả kinh doanh năm 2017 Công ty hợp nhất**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2016	TH năm 2017	Tỷ lệ TH2017 /TH2016 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	236,0	214	90,7%
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	9,0	3,1	34,4%
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	15,8	22,2	140,5%
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	<i>14,3</i>	<i>11</i>	<i>76,9%</i>
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,6	4,2	75%
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	0,7	36,7	5.242,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	29,1	77,4	266%
Cổ tức	Đồng/CP			

10.1.1.2 Kết quả hoạt động của các công ty con

➤ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Doanh thu thực hiện 65,78 tỷ đồng, tăng 32,7% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,4 tỷ đồng, giảm 33,3% so với năm trước

Năm 2017 là năm khó khăn nhất do giá nguyên liệu đầu vào khan hiếm và tăng gần gấp đôi. Cuối năm không mua được nguyên liệu để sản xuất lý do các nhà cung cấp không có nguyên liệu bán.

Trung Quốc cấm dùng phế liệu để sản xuất do đó các nhà máy sản xuất tấm PC đã đưa máy sang Việt Nam để sản xuất. Cụ thể cuối năm 2017 đã có 8 nhà máy PC và 04 nhà thương mại tấm PC lớn của Trung Quốc đã có mặt tại Việt Nam tạo nên sự cạnh tranh rất khốc liệt.

Chi phí tăng do đầu tư dây chuyền PC đặc.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam
Không phát sinh, do đang thực hiện hoàn thuế trước khi giải thể.
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:
 - Doanh thu: không phát sinh doanh thu bán hàng.
- Lợi nhuận trước thuế - 1,7 tỷ đồng. Chủ yếu do trích lập dự phòng nợ khó đòi.
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1
 - Doanh thu: không phát sinh doanh thu bán hàng.
 - Lợi nhuận trước thuế: - 0,9 tỷ đồng. Chủ yếu do trích lập dự phòng nợ khó đòi Đối với hoạt động của các công ty thương mại do không có hiệu quả từ những năm trước, Công ty đã có giải pháp cho ngừng kinh doanh, cắt giảm nhân sự và tập trung thu hồi công nợ. Vì vậy, các đơn vị này lỗ chủ yếu do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

10.1.1.3 Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của công ty.

- Công ty Cổ phần TNHH liên doanh Việt Thái Plastchem
 - Doanh thu thực hiện 299,0 tỷ đồng, giảm 14% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế: -1,7 tỷ đồng (năm trước lãi 21,7 tỷ)
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC vina
 - Doanh thu thực hiện 4.147,6 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 270,1 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm trước
- Công ty Cổ Phần Nhựa Yout Chon Vina
 - Doanh thu thực hiện 455,9 tỷ đồng, tăng 0,5% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế: 3,3 tỷ đồng, tăng 73,7% so với năm trước
- Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn
 - Doanh thu thực hiện 689,4 tỷ đồng, tăng 7,8% so với năm trước
 - Lợi nhuận trước thuế: 2,1 tỷ đồng, tăng 90,9% so với năm trước

10.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

10.1.2.1 Kết quả kinh doanh Công ty CP Nhựa Việt Nam

*** Kết quả kinh doanh năm 2018 Công ty Mẹ**

Kết quả kinh doanh cụ thể của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
					TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	259,14	211,00	171,83	81,43	66,30
Trong đó:						
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	149,63	138,00	132,99	96,37	88,88
2. Tổng chi phí	Tỷ đồng					
Trong đó:						
- Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	147,07		126,62		86,09
- Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	2,34		2,14		91,45
- Chi phí quản lý	Tỷ đồng	34,73		41,74		120,18
- Chi phí tài chính	Tỷ đồng	20,85		(17,77)		
Trong đó lãi vay	Tỷ đồng	9,77		5,71		58,44
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	88,33	8,60	18,93	220,11	21,43
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	71,36	8,60	22,31	259,42	31,26
5. Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 đạt 81,43% kế hoạch năm 2018 nhưng chỉ bằng 66,30% so với cùng kỳ năm trước do năm 2017 phát sinh doanh thu bất thường từ việc bán tài sản.

Riêng chỉ tiêu doanh thu thuần thực hiện năm 2018 giảm 11,12% so với cùng kỳ năm trước và đạt 96,37% so với nghị quyết Đại hội thường niên năm 2018 do:

+ Ban Lãnh đạo Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương hạn chế bán nợ do có nhiều rủi ro và đặc biệt chú trọng hiệu quả.

+ Từ tháng 10/2018, trên hệ thống CIC, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam bị xếp loại nhóm nợ vào nhóm 5 (do khoản nợ quá hạn vay mua móc thiết bị ODA Trung Quốc từ năm 2006) – đây là nhóm nợ xấu và các ngân hàng không xét duyệt cho vay và dù trong năm Công ty có các khoản nợ chưa đến hạn nhưng các ngân hàng vẫn thu nợ và không cho vay. Việc các ngân hàng không cho vay gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty và áp lực rất lớn trong việc trả nợ sau này khi các LC đã mở đến hạn thanh toán. Vì vậy: Công ty luôn phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp nhằm sử dụng có hiệu quả đồng vốn và luôn phải linh hoạt trong việc cân đối nguồn vốn để tránh trễ hạn trong việc thanh toán các LC đến hạn.

- Về các khoản chi phí:

+ Chi phí tài chính giảm đáng kể so với năm 2017 do trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng thành công toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina, được hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư mà Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

+ Chi phí bán hàng giảm 8,55%, tương ứng với tỷ lệ giảm doanh số bán hàng và cung cấp dịch vụ.

+ Chi phí quản lý năm 2018 tăng 20,18% so với năm 2017 chủ yếu do trong năm Công ty trích lập 100% dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với những khách hàng mà Công ty đánh giá là không có khả năng thu hồi được.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 giảm so với lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2017 và chỉ đạt 21,43% nhưng so với lợi nhuận kế hoạch năm 2018 thì đạt 220,11%. Nguyên nhân lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 tăng cao so với lợi nhuận kế hoạch năm 2018 chủ yếu do cổ tức được chia từ các công ty liên doanh cao hơn so với kế hoạch và một phần lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ.

*** Kết quả kinh doanh năm 2018 Công ty hợp nhất**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2017	TH năm 2018	Tỷ lệ TH2018 /TH2017 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	213,90	201,84	94,36%
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	3,09	69,81	2.259,22%
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	22,16	16,15	72,87%
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	<i>10,99</i>	<i>7,08</i>	<i>64,42%</i>
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	4,17	3,81	91,36%
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	36,68	45,89	125,10%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	77,38	36,43	40,07%
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	

10.1.2.2 Kết quả hoạt động của các công ty con

➤ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Doanh thu thực hiện 74,24 tỷ đồng, tăng 12,99% so với cùng kỳ năm trước
- Lợi nhuận trước thuế đạt 0,76 tỷ đồng, giảm 45,75% so với cùng kỳ năm trước

Năm 2018 nằm trong giai đoạn đầu triển khai Dự án sản xuất tấm PC đặc trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm từ Trung Quốc, Thái Lan, Mã Lai. Mặc dù doanh thu thực hiện tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện chỉ bằng 54,25% so với cùng kỳ năm trước do:

- + Nguồn cung trong nước đã vượt quá cầu, thị trường gần như bão hòa (Hiện có hơn 10 công ty sản xuất kinh doanh cùng sản phẩm)
- + Ảnh hưởng của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Hàng Trung Quốc không xuất đi Mỹ được nên tràn vào Việt Nam với giá rẻ.
- + Thiết bị ODA Trung Quốc trên 10 năm sử dụng nên đến nay bị lão hóa, hoạt động với năng suất thấp, hư hỏng thường xuyên nhưng chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa 02 thiết bị này quá lớn làm cho giá vốn của sản phẩm tăng cao.

➤ Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam

- Không phát sinh doanh thu.
- Lợi nhuận: 218.293 đồng (lãi tiền gửi ngân hàng).

Hiện đơn vị đang thực hiện hoàn thuế trước khi giải thể.

➤ Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:

- Doanh thu thực hiện: Không phát sinh doanh thu bán hàng
- Lợi nhuận trước thuế: - 0,86 tỷ đồng do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

➤ Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1

- Doanh thu thực hiện: Không phát sinh doanh thu bán hàng
- Lợi nhuận trước thuế: - 76,81 triệu đồng do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Các Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An, Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1 là các đơn vị sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, nhiều năm nay đã giảm đáng kể số lao động do dừng hẳn hoạt động sản xuất kinh doanh chính, chỉ tập trung thu hồi công nợ và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng với cơ quan thuế.

10.1.2.3 Kết quả hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của công ty.

➤ Công ty Cổ phần TNHH liên doanh Việt Thái Plastchem

- Doanh thu thực hiện: 340,13 tỷ đồng, tăng 13,72% so với năm trước

- Lợi nhuận trước thuế: - 1,83 tỷ đồng (lỗ hơn cùng kỳ năm trước 10,24%)

➤ *Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina*

- Doanh thu thực hiện: 4.446,86 tỷ đồng, tăng 7,21% so với năm trước
- Lợi nhuận trước thuế: 356,00 tỷ đồng, tăng 31,78% so với năm trước

Đây là liên doanh hoạt động có hiệu quả cao, ngày càng phát triển, cổ tức hàng năm lớn.

➤ *Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn*

Đây là đơn vị liên kết chưa có lợi ích công chúng với giá trị vốn góp ghi sổ là 16.961.554.628 đồng nhưng Công ty không nhận được hợp tác từ phía đơn vị trong việc cung cấp Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018. Đây cũng là nguyên nhân ngoại trừ của kiểm toán trong Báo cáo tài chính của Công ty.

10.1.3 Hoạt động đầu tư

Trong năm, Công ty không triển khai dự án đầu tư mới do hạn hén về vốn (ảnh hưởng của việc bị xếp loại nhóm 5 trên hệ thống CIC), chỉ tiếp tục thực hiện Dự án khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc. Dự án này là gánh nặng đối với Công ty. Công ty đã hoàn tất Đề án xử lý rủi ro, đang trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong năm, Công ty đã thuê nhà xưởng và thực hiện di chuyển một số thiết máy móc thiết bị ODA này.

10.1.4 Hoạt động tài chính, thoái vốn:

- Công ty đã hoàn tất việc bán 4.300.008 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina với tổng giá trị cổ phần bán được là 38.470.656.000 đồng.
- Khoản đầu tư dài hạn khác vào dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên trị giá 21 tỷ (29%): Đối tác nhận chuyển nhượng đã nộp nợ gốc tiền thuế, tiếp tục thực hiện các thủ tục xin phép theo quy định nhưng chưa hoàn tất. Phía Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long) chưa tiến hành bàn giao đất. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa nhận được tiền từ khoản chuyển nhượng này trong năm 2018.

10.1.5 Công tác nghiên cứu, đào tạo

Tiếp tục thực hiện các đề tài đã được duyệt với mục tiêu đảm bảo chi 100% lương cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển một số dự án củ Công ty trong thời gian tới:

- Hoàn thành đề tài: “Nghiên cứu sản xuất tấm nhựa Polycarbonat chống lão hóa và chống tia cực tím trong điều kiện khí hậu Việt Nam ”
- Đang triển khai Đề tài: “Nghiên cứu sản xuất bóng nhựa PE”

10.1.6 Đánh giá chung về các hoạt động của Công ty năm 2018:

- Công ty bị xếp loại nhóm nợ vào nhóm 5 trên hệ thống CIC do khoản nợ quá hạn ODA. Đây là nhóm nợ xấu và các ngân hàng không xét duyệt cho vay gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty và áp lực rất lớn trong việc trả nợ các LC đã mở đến hạn thanh toán. Cũng từ dự án này, Công ty phải tốn kém chi phí vận chuyển, thuê kho bãi, bảo quản tài sản. Dự án này Công ty cũng chưa quyết toán được do thay đổi nhiều địa điểm và khác rất nhiều so với ý định ban đầu, hồ sơ tài liệu đã lâu, phần bị thất lạc, phần bị mưa ngập hoen ố, phần bị mối mọt....
- Công ty chưa thực hiện được việc đăng ký giảm vốn Điều lệ
- Công ty không có nguồn thu từ sản xuất, vốn đầu tư của Công ty nằm chủ yếu tại các đơn vị có vốn góp nên kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào kết quả hoạt động của các đơn vị liên doanh/liên kết này.
- Đối với khu nhà 18C Phạm Đình Hồ, mặc dù không làm việc tại đó nhưng Công ty vẫn chưa ký được Hợp đồng thanh lý.
- Nợ phải thu từ khách hàng tại ngày 31/12/2018 là 81,35 tỷ. Trong đó, khách hàng Công ty CP Nhựa Vân Đồn chiếm 46,79 tỷ trong tổng nợ phải thu; Công ty CP Nhựa Thăng Long chiếm 9,49 tỷ; Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú chiếm 4,77 tỷ.... Trong đó Công ty CP Nhựa Vân Đồn và Công ty CP Nhựa Tân Phú không thanh toán công nợ, ngừng nhận Hóa đơn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và đề nghị trả lại thiết bị. Công ty đã khởi kiện Nhựa Vân Đồn và đang chờ tòa án giải quyết. Đồng thời, Công ty đang có hướng khởi kiện Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú do không trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết.
- Năm 2018, Công ty có Quyết định thanh tra thuế cho niên độ từ 2015 đến 2017. Công ty đã có văn bản giải trình rõ ràng, cụ thể kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan Thuế và khắc phục một số sai phạm theo hướng dẫn của Cục Thuế.
- Tính đến hết 31/12/2018, số lỗ lũy kế của Vinaplast vẫn còn 77,83 tỷ, vì vậy, Công ty dự kiến sẽ trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty giải quyết hết lỗ lũy kế.

10.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

10.2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2019, Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của khoản vay ODA Trung Quốc, tiếp tục bị xếp vào nhóm 5 trên hệ thống CIC, vì vậy, Công ty rất thận trọng trong việc sử dụng vốn. Do đó, kế hoạch năm 2019 đặt ra như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2019
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	132
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	9,2
Cổ tức	Đồng/CP	0

Năm 2019, Công ty dự kiến duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có, ưu tiên đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; tiến hành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.

10.2.2 Nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành kế hoạch

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện. Đẩy mạnh công tác dự báo, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, trong đó cân đối với nguồn vốn để thu được lợi nhuận cao nhất.

- Tiếp tục trình xin ý kiến Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đối với những tồn tại trước đây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp như xin xử lý rủi ro đối với khoản nợ ODA của Chính phủ Trung Quốc do sử dụng không có hiệu quả khoản vay này; xử lý chênh lệch tỷ giá; giãn khấu hao ODA,...

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác thu đòi công nợ cũng như siết chặt công tác bán hàng để giảm thiểu rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Rà soát để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình nội bộ tạo điều kiện thúc đẩy mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhanh gọn, hiệu quả.

- Quản lý chi phí, tiết giảm tối đa chi phí, giao kế hoạch cho các bộ phận gắn với hiệu quả thực hiện công việc.

- Tăng cường công tác quản lý vốn của Công ty tại các đơn vị có vốn góp.

- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.

- Trình xin ý kiến các cấp có thẩm quyền thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn trong năm 2019 theo đúng quy định, mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.

10.3 Dự án đầu tư dự kiến sẽ triển khai

- Đầu tư xây dựng Nhà máy tái chế phế liệu: Qua tìm hiểu thị trường sản phẩm này, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhận thấy việc đầu tư dự án là cần thiết với các lý do:
 - Xuất phát từ nhu cầu xử lý phế liệu nhựa thu hồi từ công nghiệp và tiêu dùng của dân cư, đồng thời tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa.
 - Đây là dự án kỹ thuật cao, liên quan đến tái chế phế liệu
 - Thiết bị sử dụng hoàn toàn mới theo công nghệ của Mỹ
 - Được Ngân hàng thu xếp về vốn để thực hiện Dự án
 - Tận dụng Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng đã có sẵn ở phía Nam
 - Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chuỗi cách điện: Đây là một trong hai chương trình công nghệ cao của Chính phủ, sản xuất ra sản phẩm chuỗi cách điện polymer với lớp phủ caosu silicol, thay thế nhu cầu trong nước hiện nay vẫn phải nhập khẩu, tạo thế chủ động trong sản xuất sản phẩm mới của ngành. Dự án với số vốn đầu tư khoảng 70 tỷ, được Ngân sách tài trợ khoảng 30%.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất túi sinh học: Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ sản xuất nhựa sinh học là không dẫn xuất từ dầu mỏ mà từ các nguyên liệu sinh học nên kết hợp với các nguyên liệu như tinh bột, giấy, đường... tạo ra nguyên liệu và sản phẩm nhựa phân hủy 100%. Dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa dễ phân hủy sinh học để thay thế truyền thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Vinaplast đã hoàn thành công tác nghiên cứu về nhựa sinh học trong những năm trước đây và đang tiến hành nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất màng BOPET: Qua thời gian góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon vina để sản xuất màng nhựa BOPP, được tham gia trực tiếp quản lý và qua tìm hiểu nhu cầu thị trường tiêu thụ màng này, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhận thấy việc đầu tư dự án là cần thiết với các lý do:

- Nhu cầu tiêu thụ bao bì này hiện nay mới chỉ đáp ứng được khoảng 70%, trong đó tập trung chủ yếu ở Miền Nam, trong khi nhà máy sản xuất ở phía Bắc chưa có.
- Tận dụng Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng đã có sẵn
- Đã có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành sản xuất.
- Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động
- Đã làm việc với các công ty có nhu cầu sử dụng bao bì

11. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

11.1 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2017

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

Nội dung	ĐVT	TH năm 2016	NQ ĐHĐCĐ năm 2017	TH 2017	Tỷ lệ TH2017/TH2016(%)	Tỷ lệ TH2017/NQ2017(%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	208,28	273,09	210,69	101,16	77,15
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	2,23	26,46	88,33	3.960,98	333,8
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

Theo đó,

- Doanh thu thực hiện tuy không đạt kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nhưng tăng 19,6% so với cùng kỳ. Phần doanh thu tăng này do có thu nhập bất thường từ việc chuyển nhượng tòa nhà 39A Ngô Quyền. Thực chất, doanh thu sản xuất kinh doanh giảm do chủ trương của Ban Lãnh đạo Công ty tập trung thu hồi công nợ, hạn chế tối đa bán hàng trả chậm, thực hiện thu tiền ngay nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh và đảm bảo lợi nhuận chắc chắn.

- Lợi nhuận tăng đột biến so với cùng kỳ và vượt mức kế hoạch đề ra là do kết quả từ việc chuyển nhượng tòa nhà 39A Ngô Quyền mang lại.

11.2 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2018

Theo Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam năm 2018 như sau:

Chi tiêu	ĐVT	KH theo NQ ĐH 2018	Thực hiện		Tỷ lệ (%)	
			Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ NQ 2018	TH 2018/ TH 2017
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	138,00	149,63	132,99	96,37	88,88
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	8,60	88,33	18,93	220,11	21,43
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,60	71,36	22,31	259,42	31,26
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

Năm 2018, Công ty đã thực hiện chỉ tiêu doanh thu thuần sát với Nghị quyết Đại hội năm 2018 đã đề ra. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế vượt kế hoạch chủ yếu do cổ tức được chia từ các công ty liên doanh cao hơn so với kế hoạch và một phần lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ.

11.3 Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng và Ông Phan Trung Nam đều là đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng có sự phân nhiệm rõ ràng, cụ thể.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Ban Tổng giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ huy, hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật và phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ Công ty và theo ủy quyền của HĐQT.

- Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc duy trì đều đặn chế độ giao ban định kỳ 02 lần/tháng với đội ngũ cán bộ quản lý để đánh giá, đôn đốc, tiến độ thực hiện nghị quyết HĐQT. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung triển khai các giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho đơn vị theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

- Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo gắn thu nhập của người lao động với kết quả kinh doanh của công ty, bước đầu cải cách được việc làm và tiền lương, đảm bảo đời sống người lao động, nâng cao ý thức, kỷ luật lao động.

Tuy nhiên, HĐQT đề nghị Ban Tổng Giám đốc cần đẩy mạnh công tác thoái vốn, thu hồi công nợ và tìm kiếm nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

12. Quản trị công ty.

12.1 Hội đồng quản trị

12.1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Đến ngày 31/12/2018)

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Lê Hoàng	Chủ tịch	4.350.076	23,39%	
2	Phan Trung Nam	Thành viên	4.222.133	21,73%	
3	Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	4.227.533	21,76%	
4	Lê Ngọc Diệp	Thành viên	0	0,00%	
5	Vũ Hân	Thành viên độc lập	0	0,00%	
6	Bùi Quốc Thịnh	Thành viên độc lập	0	0,00%	

12.1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban

12.1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT họp định kỳ hàng quý theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội thông qua bằng hình thức trực tiếp/gián tiếp qua thiết bị truyền hình hội nghị để đưa ra các nghị quyết mang tính định hướng, toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ đã được Đại hội thông qua. Các thành viên HĐQT đã đóng góp ý kiến xác thực theo nội dung đặt ra, đồng thuận cao theo thẩm quyền về các quyết định và nỗ lực trong việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cũng như các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Công ty. Nội dung các cuộc họp HĐQT đều được cụ thể hóa bằng các biên bản, nghị quyết. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia, đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát. Giữa các phiên họp định kỳ, HĐQT thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức xin ý kiến qua thư.
- Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp và xin ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 09 Nghị quyết và 07 Quyết định thuộc nhiệm vụ, chức trách của HĐQT trong công tác chỉ đạo, định hướng, quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty, quyết định những nội dung tiêu biểu, quan trọng, cụ thể:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	Nhiệm kỳ 2013 - 2018		
01	06A/NQ-NVN-HĐQT	23/4/2018	Nghị quyết của HĐQT về việc: - Không thông qua việc tăng vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. - Thông qua Quy chế Người đại diện quản lý phần vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại các công ty con, liên doanh, liên kết.
02	07/QĐ-NVN-HĐQT	23/4/2018	Quyết định của HĐQT không thông qua việc tăng vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
03	08/QĐ-NVN-HĐQT	23/4/2018	Quyết định của HĐQT thông qua Quy chế Người đại diện quản lý phần vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại các công ty con, liên doanh, liên kết.
04	09A/NQ-NVN-HĐQT	26/4/2018	Nghị quyết của HĐQT phê chuẩn việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.
05	10/NQ-NVN-HĐQT	26/4/2018	Quyết định của HĐQT thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.
06	15/QĐ-NVN-HĐQT	06/6/2018	Quyết định của HĐQT về nhân sự đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn
07	16/NQ-NVN-HĐQT	06/6/2018	Nghị quyết HĐQT về:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018. - Nhân sự đại diện vốn của Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
08	17/QĐ-NVN-HĐQT	06/6/2018	Quyết định của HĐQT giới thiệu nhân sự tham gia BKS của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
09	24/NQ-NVN-HĐQT	29/6/2018	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua Tờ trình của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
	Nhiệm kỳ 2018 - 2023		
10	02/NQ-NVN-HĐQT	29/6/2018	Nghị quyết của HĐQT thông qua bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.
11	03/QĐ-NVN-HĐQT	29/6/2018	Quyết định của HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.
12	07/QĐ-NVN-HĐQT	18/07/2018	Quyết định phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018
13	16/NQ-NVN-HĐQT	23/08/2018	Nghị quyết về việc bán phần vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Yout Chon Vina
14	17/QĐ-NVN-HĐQT	23/08/2018	Quyết định về việc bán phần vốn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty Cổ phần Nhựa Yout Chon Vina
15	21/NQ-NVN-HĐQT	28/11/2018	Nghị quyết về các nội dung họp ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước

12.1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp HĐQT trong năm.

12.2 Ban Kiểm soát

12.2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Cao Minh Tâm	Trưởng Ban	0	0%	
2	Chu Thế Hoàng	Thành viên	0	0%	
3	Âu Thị Chi	Thành viên	0	0%	

12.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.
 - Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành công ty.
 - Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
 - Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.
 - Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2018.
 - Được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm soát trong năm.

13. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

13.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Năm 2018, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 278.400.000 đồng, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	197.400.000
2	Ban kiểm soát	81.000.000
	Tổng cộng	278.400.000

- Ban giám đốc hưởng tiền lương, thưởng theo các quy chế của Công ty.

13.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2018

13.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

- Trong năm 2018, không có hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ.

13.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

14. Báo cáo tài chính hợp nhất:

14.1 Ý kiến kiểm toán (đính kèm báo cáo này)

14.2 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (Đính kèm báo cáo này)


TỔNG GIÁM ĐỐC
PHẦN TRUNG NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13-42

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 07 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 07 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0300381966.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và thiết bị kỹ thuật khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm: Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

Tên tiếng Anh: VIETNAM PLASTIC CORPORATION.

Tên viết tắt: VINAPLAST CORP.

Mã chứng khoán: VNP (UPCOM)

Trụ sở chính: Số 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Bà	Lê Ngọc Diệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông	Phan Trung Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Bà	Vũ Thị Minh Thục	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông	Vũ Hân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông	Bùi Quốc Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)

Ban Kiểm soát

Ông	Cao Minh Tâm	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông	Chu Thế Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Bà	Âu Thị Chi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông	Phan Trung Nam	Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
-----	----------------	--

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Ông	Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)
Ông	Phan Trung Nam	Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 29/06/2018)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lê Hoàng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: A0818282-HN/AISC-DN5

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389 A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn, một công ty liên kết chưa có lợi ích công chúng, được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam theo phương pháp vốn chủ sở hữu, được ghi nhận với giá trị ghi sổ là 16.283.458.472 VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018. Chúng tôi đã không được tiếp cận với thông tin tài chính đáng tin cậy cũng như báo cáo tài chính niên độ 2018 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh sự suy giảm giá trị khoản đầu tư này hay không.

Branch in Ha Noi : 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi City

Branch in Da Nang : 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City

Representative in Can Tho: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel: (84.24) 3782 0045

Tel: (84.236) 3747 619

Tel: (84.28) 3832 9129

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Fax: (84.236) 3747 620

Fax: (84.28) 3834 2957

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Email: danang@aisc.com.vn

Email: cantho@aisc.com.vn

Email: haiphong@aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và các công ty con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác vào ngày 27 tháng 3 năm 2018 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ giá trị một số khoản công nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận công nợ. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến vấn đề này không được nhắc lại trong Báo cáo kiểm toán năm nay là do Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam đã ước tính giá trị bị tổn thất và giải quyết trong Báo cáo tài chính năm nay.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019



Số Giấy CNĐKHNKT: 1269-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ HÙNG DŨNG

Số GCNĐKHNKT: 3174-2015-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174.775.153.010	236.409.373.298
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.386.979.568	54.304.418.353
1. Tiền	111		5.340.586.595	25.231.585.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.046.392.973	29.072.833.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.000.000.000	40.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	58.000.000.000	40.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.968.528.475	87.735.077.298
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	84.944.249.079	89.492.265.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	985.035.940	1.025.223.545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	23.351.401.062	35.702.498.532
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4,6	(70.371.227.196)	(38.539.904.151)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		59.069.590	54.994.315
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	58.492.223.519	50.631.384.769
1. Hàng tồn kho	141		58.762.116.259	50.737.659.938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(269.892.740)	(106.275.169)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.927.421.448	2.838.492.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	1.793.692.658	188.500.078
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.032.319.971	2.548.583.981
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	101.408.819	101.408.819
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		217.229.075.984	218.640.190.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.049.000.000	21.270.475.750
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	251.475.750	251.475.750
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	21.049.000.000	21.019.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5	(251.475.750)	-
II. Tài sản cố định	220		18.626.772.479	28.868.935.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.531.870.652	28.734.665.825
- Nguyên giá	222		129.593.936.965	129.978.430.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.062.066.313)	(101.243.764.233)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	94.901.827	134.270.155
- Nguyên giá	228		3.057.090.120	3.057.090.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.962.188.293)	(2.922.819.965)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		112.917.000	285.940.577
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		112.917.000	285.940.577
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		165.279.765.460	158.965.105.949
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	165.279.765.460	158.965.105.949
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.160.621.045	9.249.732.082
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	8.787.489.448	9.249.732.082
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.18	3.373.131.597	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		392.004.228.994	455.049.563.636

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		231.284.772.969	326.661.128.831
I. Nợ ngắn hạn	310		201.464.962.468	277.803.930.673
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	37.542.775.910	97.851.992.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	420.400.000	522.956.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	10.364.351.999	10.643.927.635
4. Phải trả người lao động	314		2.675.269.191	1.961.868.173
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	25.405.995.624	23.696.187.344
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	89.032.963
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.427.776.832	21.900.096.248
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,b	123.276.417.807	120.953.179.882
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		351.975.105	184.689.356
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		29.819.810.501	48.857.198.158
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	277.000.000	277.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17c	29.542.810.501	48.580.198.158
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.719.456.025	128.388.434.805
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	160.369.422.826	128.388.401.606
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		194.289.130.000	194.289.130.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		199.031.463	199.031.463
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.230.784.083)	(66.214.851.382)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(73.910.995.155)	(126.479.822.389)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.680.211.072	60.264.971.007
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		112.045.446	115.091.525
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		350.033.199	33.199
1. Nguồn kinh phí	431		350.033.199	33.199
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		392.004.228.994	455.049.563.636

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Trần Thị Phụng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.848.424.785	213.971.555.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	70.286.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	201.848.424.785	213.901.269.197
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	189.634.198.697	204.061.881.701
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.214.226.088	9.839.387.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	69.817.047.486	3.098.033.143
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	16.157.186.104	22.169.678.687
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.085.015.872	10.994.642.879
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		19.490.654.787	44.822.396.036
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	3.810.346.609	4.175.219.018
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	45.895.680.683	36.682.166.731
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		35.658.714.965	(5.267.247.761)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	996.152.394	85.192.640.076
13. Chi phí khác	32		222.671.331	2.540.094.633
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		773.481.063	82.652.545.443
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.432.196.028	77.385.297.682
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	121.990.798	17.114.161.621
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	(3.373.131.597)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		39.683.336.827	60.271.136.061
Cổ đông của Công ty mẹ	61		39.680.211.072	60.264.971.007
Cổ đông không kiểm soát	62		3.125.755	6.165.054
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.12	2.042	3.088
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.12	2.042	3.088

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu



Trần Thị Phụng


 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 NHỰA
 VIỆT NAM
 Lê Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.432.196.028	77.385.297.682
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	9.262.468.545	10.959.761.463
- Các khoản dự phòng	03		32.246.416.366	24.689.784.431
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.6	112.675.661	9.900.462.721
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(76.242.748.757)	(132.919.927.415)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	7.085.015.872	10.994.642.879
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(4.340.400)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.891.683.315	1.010.021.761
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		1.952.965.228	(14.890.957.411)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(8.024.456.321)	4.906.052.385
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(61.544.367.771)	14.147.034.990
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(1.142.949.946)	(244.286.510)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.848.259.185)	(6.119.063.308)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(171.557.775)	(17.063.198.356)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		517.285.749	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(456.554.679)	(530.550.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(63.826.211.385)	(18.784.946.792)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(210.708.770)	(7.772.437.641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	62.900.340.543
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.500.000.000)	(2.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.400.000.000	3.150.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		38.470.656.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.047.964.581	27.581.992.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		59.207.911.811	82.959.895.630

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		89.731.584.943	131.739.072.341
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(106.653.665.971)	(152.044.991.113)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.503.482.648)	(11.803.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.425.563.676)	(20.317.721.922)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(42.043.863.250)	43.857.226.916
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		54.304.418.353	10.423.766.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		126.424.465	23.424.872
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	12.386.979.568	54.304.418.353

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu



Trần Thị Phụng


 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Lê Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 07 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 09 tháng 07 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0300381966.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên viết tắt: VINAPLAST CORP

Mã chứng khoán: VNP (Upcom).

Trụ sở chính: Số 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ plastic.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn, quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu, nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác và bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 83 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 100 nhân viên).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Cấu trúc doanh nghiệp**6.1. Tổng số các Công ty con:**

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: bốn (04) công ty con.

6.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có bốn (04) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic	99,52%	99,52%	99,52%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số 1	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại và DV Nhựa Trường An	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%

6.3. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Sản xuất sản phẩm nhựa	20,69%	20,69%	20,69%
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem	Kinh doanh thương mại	27,51%	27,51%	50,00%
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	Kinh doanh thương mại	15,00%	15,00%	33,33%

6.4. Danh sách công ty liên kết bị loại khỏi khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Youl Chon Vina	Kinh doanh thương mại	30%	30%	30%

Nguyên nhân Công ty CP Youl Chon Vina không hợp nhất là do Công ty đã thanh lý toàn bộ phần sở hữu của mình cho đối tác bên ngoài.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành cùng ngày hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và các Công ty con ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Công ty" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2018: 23.150 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (đối với Đô la Mỹ) và Ngân hàng Phát Triển Việt Nam (đối với Nhân dân tệ). Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2018: 23.240 VND/USD; 3.310,58 VND/CNY.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết, liên doanh sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết, liên doanh được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 - 38 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa, cải tạo, tiền thuê đất và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (420 tháng).

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay và các chi phí khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng tại Công ty là 20%.

20. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

21. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2018	01/01/2018		
Tiền		5.340.586.595	25.231.585.020		
Tiền mặt		366.419.141	306.532.209		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		4.974.167.454	24.925.052.811		
Các khoản tương đương tiền		7.046.392.973	29.072.833.333		
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng		7.046.392.973	29.072.833.333		
Cộng		12.386.979.568	54.304.418.353		
2. Các khoản đầu tư tài chính					
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31/12/2018	01/01/2018		
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn					
- Tiền gửi có kỳ hạn		58.000.000.000	58.000.000.000	40.900.000.000	40.900.000.000
Cộng		58.000.000.000	58.000.000.000	40.900.000.000	40.900.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty CP Youl Chon Vina (*)

Công ty CP Nhựa Vân Đồn

Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem

Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina

Cộng

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị theo PP vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo PP vốn chủ sở hữu
	-	-	43.008.000.000	5.947.414.147
	16.961.554.628	16.283.458.472	16.961.554.628	18.263.310.470
	15.279.075.966	16.316.280.783	15.279.075.966	13.649.404.211
	89.705.850.000	132.680.026.205	89.705.850.000	121.104.977.121
	121.946.480.594	165.279.765.460	164.954.480.594	158.965.105.949

(*) Trong năm 2018, Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Youl Chon Vina, giá trị thanh lý là 38.470.656.000 đồng.

- Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

- **Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:** Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0303643747 ngày 02/08/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh, có vốn điều lệ là 81.000.000.0000 đồng. Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã góp 16.961.551.628 đồng, chiếm 20,69% vốn điều lệ Công ty Nhựa Vân Đồn. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

- **Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái Plastchem:** Theo Giấy phép đầu tư số 1098/GP ngày 28/12/1994 và Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000440 ngày 30/06/2008 do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, có vốn điều lệ là 2.868.041 USD, tương đương với 44.279.528.312 đồng. Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã góp 789.061 USD, chiếm 27,51% vốn điều lệ của Công ty Việt Thái Plastchem. Khoản đầu tư này không bị giảm sút giá trị.

- **Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina:** Theo Giấy phép đầu tư số 1287/GP ngày 23/06/1995, Giấy chứng nhận đầu tư số 472023000582 ngày 11/07/2008 và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600248368 ngày 25/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, vốn pháp định là 35.000.000 USD, tương đương với 662.620.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2018, Công ty đã góp 5.250.000 USD, chiếm 15% vốn pháp định. Khoản đầu tư này chưa bị giảm sút giá trị.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	84.944.249.079	(67.643.314.472)	89.492.265.057	(36.566.204.572)
Khách hàng trong nước	84.944.249.079	(67.643.314.472)	89.492.265.057	(36.566.204.572)
Cty CP Nhựa OPEC	-	-	8.901.950.000	-
Cty CP Nhựa Vân Đồn	46.797.745.961	(46.797.745.961)	43.874.166.538	(21.889.821.655)
Cty CP Nhựa Thăng Long	9.491.918.323	(2.998.708.022)	7.665.004.690	(1.377.139.865)
Các đối tượng khác	28.654.584.795	(17.846.860.489)	29.051.143.829	(13.299.243.052)
Cộng	84.944.249.079	(67.643.314.472)	89.492.265.057	(36.566.204.572)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tiếp theo)	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Cty CP Nhựa Vân Đồn	46.797.745.961	(46.797.745.961)	43.874.166.538	(21.889.821.655)
Cộng	46.797.745.961	(46.797.745.961)	43.874.166.538	(21.889.821.655)
4. Trả trước cho người bán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	985.035.940	(865.323.345)	1.025.223.545	(111.110.200)
Nhà cung cấp trong nước	891.425.740	(771.713.145)	931.613.345	(17.500.000)
Nhà cung cấp nước ngoài	93.610.200	(93.610.200)	93.610.200	(93.610.200)
Cộng	985.035.940	(865.323.345)	1.025.223.545	(111.110.200)
5. Phải thu về cho vay	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	251.475.750	(251.475.750)	251.475.750	-
Nguyễn Quốc Nhựt	251.475.750	(251.475.750)	251.475.750	-
Cộng	251.475.750	(251.475.750)	251.475.750	-
6. Phải thu khác	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	23.351.401.062	(1.862.589.379)	35.702.498.532	(1.862.589.379)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	19.681.932.000	(499.932.000)	32.918.682.000	(499.932.000)
Tạm ứng	334.505.548	-	167.175.915	-
Ký cược, ký quỹ	54.840.000	-	72.840.000	-
Lãi dự thu	1.291.804.110	-	741.180.059	-
Phải thu khác	1.988.319.404	(1.362.657.379)	1.802.620.558	(1.362.657.379)
b. Dài hạn	21.049.000.000	-	21.019.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	49.000.000	-	19.000.000	-
(*) Góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Cộng	44.400.401.062	(1.862.589.379)	56.721.498.532	(1.862.589.379)
(*) - Phản ánh giá trị góp vốn giữa Công ty CP Nhựa Việt Nam và Công ty CP Nhựa Thăng Long theo hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên: ngày 14/12/2012, tại số 360 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với số tiền 21 tỷ đồng. Hiện nay dự án vẫn đang còn triển khai chưa hoàn thành.				
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
Cty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA (cổ tức)	19.182.000.000	-	32.418.750.000	-
Cty CP Nhựa Vân Đồn (cổ tức)	499.932.000	(499.932.000)	499.932.000	(499.932.000)
Cộng	19.681.932.000	(499.932.000)	32.918.682.000	(499.932.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nợ xấu (xem trang 39)**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	634.608.720	-	9.914.886.859	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.597.170.894	-	19.741.807.980	-
Công cụ, dụng cụ	6.145.536	-	4.987.500	-
Thành phẩm	18.681.846.534	-	15.021.366.374	-
Hàng hoá	21.842.344.575	(269.892.740)	6.054.611.225	(106.275.169)
Cộng	58.762.116.259	(269.892.740)	50.737.659.938	(106.275.169)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho.

9. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 40).**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
Số dư cuối năm	2.646.960.000	410.130.120	3.057.090.120
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.646.960.000	275.859.965	2.922.819.965
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	39.368.328	39.368.328
Số dư cuối năm	2.646.960.000	315.228.293	2.962.188.293
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	134.270.155	134.270.155
Số dư cuối năm	-	94.901.827	94.901.827

- * Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: Không có.
- * Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.679.590.120 VND.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: Không có.
- * Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí trả trước	31/12/2018		01/01/2018	
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.793.692.658		188.500.078	
Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.471.773		-	
Chi phí trả trước về thuê tài sản	1.390.169.928		-	
Chi phí đi vay	347.252.254		-	
Các khoản khác	46.798.703		188.500.078	
b. Chi phí trả trước dài hạn	8.787.489.448		9.249.732.082	
Chi phí thuê đất	8.612.199.846		6.665.280.863	
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	-		2.199.583.135	
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	165.624.832		331.249.672	
Các khoản khác	9.664.770		53.618.412	
Cộng	10.581.182.106		9.438.232.160	
12. Phải trả người bán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	37.542.775.910	37.542.775.910	97.851.992.272	97.851.992.272
Nhà cung cấp trong nước	3.555.960.810	3.555.960.810	42.903.761.614	42.903.761.614
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	-	-	36.882.739.382	36.882.739.382
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	-	-	1.654.650.326	1.654.650.326
Các đối tượng khác	3.555.960.810	3.555.960.810	4.366.371.906	4.366.371.906
Nhà cung cấp nước ngoài	33.986.815.100	33.986.815.100	54.948.230.658	54.948.230.658
Intraco Trading Pte., Ltd	13.252.377.600	13.252.377.600	8.811.744.975	8.811.744.975
Branch Mitsubishi Corporation Singapore	9.847.252.800	9.847.252.800	23.931.552.208	23.931.552.208
PTT Polymer Marketing Company	2.867.235.000	2.867.235.000	12.346.469.100	12.346.469.100
NH International Corp	6.139.078.400	6.139.078.400	5.556.434.000	5.556.434.000
Các nhà cung cấp khác	1.880.871.300	1.880.871.300	4.302.030.375	4.302.030.375
Cộng	37.542.775.910	37.542.775.910	97.851.992.272	97.851.992.272
b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	-	-	36.882.739.382	36.882.739.382
Cộng	-	-	36.882.739.382	36.882.739.382
c. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina	-	-	36.882.739.382	36.882.739.382
Cộng	-	-	36.882.739.382	36.882.739.382

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2018	01/01/2018
Ngắn hạn	420.400.000	522.956.800
Khách hàng trong nước	420.400.000	522.956.800
Bà Trần Thị Thanh Huyền	420.000.000	420.000.000
Các đối tượng khác	400.000	102.956.800
Cộng	420.400.000	522.956.800

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	372.674.764	13.876.643.848	14.206.869.397	42.449.215
Thuế xuất, nhập khẩu	-	693.007.912	693.007.912	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.601.072	121.990.798	171.557.775	68.034.095
Thuế thu nhập cá nhân	159.850.541	387.436.722	280.334.783	266.952.480
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.885.049	311.498.649	318.383.698	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	9.986.916.209	1.400.000	1.400.000	9.986.916.209
Cộng	10.643.927.635	15.391.977.929	15.671.553.565	10.364.351.999
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.058.736	-	-	101.058.736
Các loại thuế khác	350.083	-	-	350.083
Cộng	101.408.819	-	-	101.408.819

(*) Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thể hiện khoản phải nộp tiền thu sử dụng vốn từ năm 1996 đến năm 2001. Số tiền phải trả này Công ty đang xem xét xử lý theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/06/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 3464/TC/TCT ngày 13/07/1999 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty không phải nộp khoản tiền này mà phải ký hợp đồng giao nợ và trả tiền thuê đất với ngân sách nhà nước theo đúng quy định hiện hành.

15. Chi phí phải trả	31/12/2018	01/01/2018
Ngắn hạn	25.405.995.624	23.696.187.344
Trích trước chi phí lãi tiền vay	25.268.854.818	23.610.115.344
Chi phí trả trước khác	137.140.806	86.072.000
Cộng	25.405.995.624	23.696.187.344

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Phải trả khác		31/12/2018	01/01/2018		
a. Ngắn hạn					
Tài sản thừa chờ giải quyết		-	314.992.175		
Kinh phí công đoàn		180.485.747	71.300.905		
Bảo hiểm xã hội		65.606.160	2.197.414		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		20.000.000	52.645.420		
Tiền cổ tức phải nộp NSNN - Bộ tài chính		-	20.470.947.648		
Phải trả các đối tượng khác		1.161.684.925	988.012.686		
Cộng		1.427.776.832	21.900.096.248		
b. Dài hạn					
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		277.000.000	277.000.000		
Cộng		277.000.000	277.000.000		
17. Vay và nợ thuê tài chính		31/12/2018	01/01/2018		
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn		19.955.863.941	19.955.863.941	32.021.003.566	32.021.003.566
	BIDV - CN. Sài Gòn	-	-	13.850.239.966	13.850.239.966
(*)	Vietcombank - CN. Bắc Bình Dương	19.955.863.941	19.955.863.941	18.170.763.600	18.170.763.600
b. Vay dài hạn đến hạn trả		103.320.553.866	103.320.553.866	88.932.176.316	88.932.176.316
(***)	NH Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	103.320.553.866	103.320.553.866	88.932.176.316	88.932.176.316
c. Vay dài hạn		29.542.810.501	29.542.810.501	48.580.198.158	48.580.198.158
(**)	Vietcombank - CN. Bắc Bình Dương	3.712.672.035	3.712.672.035	4.114.110.000	4.114.110.000
(***)	NH Phát triển Việt Nam - CN TP.HCM	25.830.138.466	25.830.138.466	44.466.088.158	44.466.088.158
Cộng		152.819.228.308	152.819.228.308	169.533.378.040	169.533.378.040

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Bắc Bình Dương gồm các hợp đồng vay sau:

(*) - Hợp đồng hạn mức tín dụng số 016A17/BBD ngày 13/04/ 2017. Hạn Mức cho vay: 20 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 8 tháng theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà bơm) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 319TT15 ký ngày 23 tháng 10 năm 2015. Số dư tại ngày 31/12/2018 là: 19.955.863.941 đồng.

(**) - Hợp đồng tín dụng từng lần số 029C16/BBD ngày 08/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/029C16/BBD tháng 12 năm 2016. Thời gian vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Bổ sung vốn thanh toán chi phí mua hệ thống máy sản xuất tấm PC đặc phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo: một hệ thống máy sản xuất tấm PC đặc hình và các biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Ngân hàng. Số dư tại ngày 31/12/2018 là: 3.712.672.035 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm hợp đồng vay sau:**

(***) - Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam -CN. Tp. Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN. Tp. Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 nhân dân tệ để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 5 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3,2%/năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này được trả vào nhiều lần, bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/03 và ngày 10/09 hằng năm.

Theo Công văn số 6258/BTC-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty CP Nhựa Việt Nam thì: Cho phép Công ty được khoan nợ 3 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016); Cho phép trích khấu hao cơ bản theo kế ước vay vốn ODA đối với thiết bị đã mua từ 12 năm lên 15 năm; Chênh lệch tỷ giá phát sinh của khoản vay vốn ODA được phân bổ dần vào chi phí phù hợp với các kỳ trả nợ vốn vay. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2018, Công ty vẫn tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BTC-CNN ngày 24/06/2015 nêu trên.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**31/12/2018****01/01/2018**

- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

3.373.131.597

-

Cộng**3.373.131.597****-****19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 41).****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2018	01/01/2018
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	65,85%	127.943.420.000	127.943.420.000
Các cổ đông khác	34,15%	66.345.710.000	66.345.710.000
Cộng	100%	194.289.130.000	194.289.130.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn góp của chủ sở hữu	194.289.130.000	194.289.130.000
Vốn góp đầu năm	194.289.130.000	194.289.130.000
Vốn góp cuối năm	194.289.130.000	194.289.130.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.428.913	19.428.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	199.031.463	199.031.463
Cộng	199.031.463	199.031.463

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2018		01/01/2018	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
USD	44.501,06	1.030.193.433	34.844,90	789.788.674
Cộng	44.501,06	1.030.193.433	34.844,90	789.788.674

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
a. Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	192.848.592.702	203.002.136.298
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.999.832.083	10.969.419.081
Cộng	201.848.424.785	213.971.555.379
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm 2018	Năm 2017
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	2.657.799.475	2.952.320.690
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	-	14.105.291
Cộng	2.657.799.475	2.966.425.981
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	-	70.286.182
Cộng	-	70.286.182

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần bán thành phẩm

Năm 2018	Năm 2017
192.848.592.702	202.931.850.116

Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

8.999.832.083	10.969.419.081
---------------	----------------

Cộng

201.848.424.785	213.901.269.197
------------------------	------------------------

4. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán

Năm 2018	Năm 2017
185.503.420.304	193.478.915.695

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

4.237.053.562	10.620.009.178
---------------	----------------

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(106.275.169)	(37.043.172)
---------------	--------------

Cộng

189.634.198.697	204.061.881.701
------------------------	------------------------

5. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi

Năm 2018	Năm 2017
3.676.244.632	2.988.527.478

Cổ tức, lợi nhuận được chia

21.939.300.000	-
----------------	---

Lãi thanh lý công ty liên kết

32.536.081.252	-
----------------	---

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

11.665.421.602	109.505.665
----------------	-------------

Cộng

69.817.047.486	3.098.033.143
-----------------------	----------------------

6. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay

Năm 2018	Năm 2017
7.085.015.872	10.994.642.879

Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm

825.817.802	1.244.776.566
-------------	---------------

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

8.133.500.769	8.756.664.603
---------------	---------------

Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại

112.675.661	1.173.555.732
-------------	---------------

Chi phí tài chính khác

176.000	38.907
---------	--------

Cộng

16.157.186.104	22.169.678.687
-----------------------	-----------------------

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên

Năm 2018	Năm 2017
2.019.267.261	1.942.416.289

Chi phí dụng cụ, đồ dùng

24.517.878	28.793.496
------------	------------

Chi phí khấu hao TSCĐ

126.962.304	94.506.673
-------------	------------

Chi phí dịch vụ mua ngoài

1.570.793.162	2.040.263.683
---------------	---------------

Các khoản chi phí bán hàng khác

68.806.004	69.238.877
------------	------------

Cộng

3.810.346.609	4.175.219.018
----------------------	----------------------

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên

Năm 2018	Năm 2017
7.946.142.610	6.518.094.340

Chi phí vật liệu, bao bì

221.543.412	-
-------------	---

Chi phí đồ dùng văn phòng

39.040.532	234.319.693
------------	-------------

Chi phí khấu hao TSCĐ

426.503.752	203.580.785
-------------	-------------

Thuế, phí, lệ phí

419.830.154	162.624.098
-------------	-------------

Chi phí dịch vụ mua ngoài

3.229.160.881	2.504.298.438
---------------	---------------

Chi phí dự phòng

32.082.798.795	24.726.827.603
----------------	----------------

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác

1.530.660.547	2.332.421.774
---------------	---------------

Cộng

45.895.680.683	36.682.166.731
-----------------------	-----------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Thu nhập khác	Năm 2018	Năm 2017
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	181.818.182	85.109.003.901
Các khoản khác	814.334.212	83.636.175
Cộng	996.152.394	85.192.640.076
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.832.283.136	56.537.478.403
Chi phí nhân công	14.078.028.997	15.058.992.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.452.872.271	10.959.761.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.508.453.649	10.664.608.802
Chi phí khác bằng tiền	1.839.662.190	2.619.205.665
Cộng	107.711.300.243	95.840.046.553
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2018	Năm 2017
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	121.990.798	17.114.161.621
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	121.990.798	17.114.161.621
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ các khoản dự phòng	(3.373.131.597)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.373.131.597)	-
12. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.680.211.072	60.264.971.007
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(261.513.161)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(261.513.161)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.680.211.072	60.003.457.846
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.428.913	19.428.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.042	3.088
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.042	3.088

(*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2018.

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Lãnh đạo xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Lãnh đạo giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

13.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Lãnh đạo của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Dưới 90 ngày	34.289.682.082	-	-	-
>181 ngày	21.049.000.000	-	-	75.301.549.339
Tổng cộng giá trị ghi sổ	55.338.682.082	-	-	75.301.549.339
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(70.622.702.946)
Giá trị thuần	55.338.682.082	-	-	4.678.846.393
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Dưới 90 ngày	63.794.924.189	-	-	-
>181 ngày	21.270.475.750	-	-	62.480.057.260
Tổng cộng giá trị ghi sổ	85.065.399.939	-	-	62.480.057.260
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(38.539.904.151)
Giá trị thuần	85.065.399.939	-	-	23.940.153.109

13.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	123.276.417.807	29.542.810.501	-	152.819.228.308
Phải trả người bán	37.542.775.910	-	-	37.542.775.910
Chi phí phải trả	25.405.995.624	-	-	25.405.995.624
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.181.684.925	277.000.000	-	1.458.684.925
Cộng	187.406.874.266	29.819.810.501	-	217.226.684.767

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	120.953.179.882	48.580.198.158	-	169.533.378.040
Phải trả người bán	97.851.992.272	-	-	97.851.992.272
Chi phí phải trả	23.696.187.344	-	-	23.696.187.344
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.040.658.106	277.000.000	-	1.317.658.106
Cộng	243.542.017.604	48.857.198.158	-	292.399.215.762

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao; Tuy nhiên Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn, đồng thời tổng dòng tiền lưu chuyển trong kỳ vẫn tạo ra dòng tiền dương do đó đánh giá rủi ro thanh toán ở mức bình thường.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng đất, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính).

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 42)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm:	Năm 2018	Năm 2017
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	89.731.584.943	131.739.072.341
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	Năm 2018	Năm 2017
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	106.653.665.971	152.044.991.113

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.17 - Vay dài hạn và nợ dài hạn: Theo Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 của Bộ Công thương và Công văn số 1737/NHPT-VNN ngày 17/4/2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi Bộ Tài chính về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam thì: Cho phép Công ty được khoan nợ 03 năm không tính lãi đối với khoản vay ODA (từ năm 2014 đến năm 2016). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2018, Công ty vẫn đang tiếp tục chờ văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính như tại Công văn số 6258/BCT-CNN ngày 24/6/2015 nêu trên. Trong trường hợp Bộ Tài chính không chấp thuận theo nội dung của Công văn về việc kiến nghị tháo gỡ khó khăn thì Công ty có thể sẽ chịu một khoản lãi quá hạn ước tính khoảng 5,6 tỷ đồng, tuy nhiên số liệu cuối cùng sẽ phụ thuộc vào kết quả làm việc giữa Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	21.939.300.000	19.182.000.000
Công ty CP Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết	Cho thuê tài sản	2.657.799.475	45.389.231.583
		Lợi nhuận được chia	-	499.932.000
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2018	Năm 2017
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao, lương và thưởng		1.413.610.000	727.577.000
Cộng			1.413.610.000	727.577.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận:

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật liệu, cho thuê máy móc, thiết bị và doanh thu chỉ phát sinh ở trong nước. Do đó, Ban Lãnh đạo Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh năm trước và số liệu đầu năm của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán VACO được phát hành vào ngày 27 tháng 3 năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

Với những cam kết được trình bày tại Thuyết minh số VI.13.3 về rủi ro thanh khoản và cam kết tại Thuyết minh số VIII.1 về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác, Ban Lãnh đạo Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu


Trần Thị Phụng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Hoàng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.573.229.484	112.550.882.163	3.400.404.066	1.237.296.618	216.617.727	129.978.430.058
Mua trong năm	-	210.708.770	-	-	-	210.708.770
Thanh lý, nhượng bán	(91.333.681)	-	(503.868.182)	-	-	(595.201.863)
Số dư cuối năm	12.481.895.803	112.761.590.933	2.896.535.884	1.237.296.618	216.617.727	129.593.936.965
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.287.661.752	91.292.986.119	2.443.149.608	1.201.912.779	18.053.975	101.243.764.233
Khấu hao trong năm	660.979.896	9.438.470.127	282.038.064	13.696.968	18.318.888	10.413.503.943
Thanh lý, nhượng bán	(91.333.681)	-	(503.868.182)	-	-	(595.201.863)
Số dư cuối năm	6.857.307.967	100.731.456.246	2.221.319.490	1.215.609.747	36.372.863	111.062.066.313
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.285.567.732	21.257.896.044	957.254.458	35.383.839	198.563.752	28.734.665.825
Số dư cuối năm	5.624.587.836	12.030.134.687	675.216.394	21.686.871	180.244.864	18.531.870.652

- * Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.353.513.540 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.998.234.080 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	199.031.463	(125.960.158.364)	118.217.089	68.646.220.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	60.264.971.007	6.165.054	60.271.136.061
Thù lao ban điều hành	-	-	(114.000.000)	-	(114.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(348.030.534)	-	(348.030.534)
Tặng / (giảm) khác	-	-	(57.633.491)	(9.290.618)	(66.924.109)
Số dư cuối năm trước	194.289.130.000	199.031.463	(66.214.851.382)	115.091.525	128.388.401.606
Số dư đầu năm nay	194.289.130.000	199.031.463	(66.214.851.382)	115.091.525	128.388.401.606
Lợi nhuận trong năm	-	-	39.680.211.072	3.125.755	39.683.336.827
Thù lao HĐQT và BKS tại Công ty con	-	-	(113.447.934)	(552.066)	(114.000.000)
Phạt kê khai thuế GTGT	-	-	(1.393.220)	(6.780)	(1.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(261.513.161)	(1.272.588)	(262.785.749)
Điều chỉnh phần sở hữu trong công ty liên kết	-	-	(7.241.420.528)	-	(7.241.420.528)
Điều chỉnh theo thanh tra thuế 2015-2017	-	-	(78.368.930)	-	(78.368.930)
Cổ tức cổ đông thiểu số	-	-	-	(4.340.400)	(4.340.400)
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	199.031.463	(34.230.784.083)	112.045.446	160.369.422.826

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	58.000.000.000	-	40.900.000.000	-	58.000.000.000	40.900.000.000
- Phải thu khách hàng	84.944.249.079	(67.643.314.472)	89.492.265.057	(36.566.204.572)	17.300.934.607	52.926.060.485
- Phải thu về cho vay	251.475.750	(251.475.750)	251.475.750	-	-	251.475.750
- Phải thu khác	24.383.963.514	(1.362.657.379)	23.635.640.617	(1.362.657.379)	23.021.306.135	22.272.983.238
- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.386.979.568	-	54.304.418.353	-	12.386.979.568	54.304.418.353
TỔNG CỘNG	179.966.667.911	(69.257.447.601)	208.583.799.777	(37.928.861.951)	110.709.220.310	170.654.937.826
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	152.819.228.308	-	169.533.378.040	-	152.819.228.308	169.533.378.040
- Phải trả người bán	37.542.775.910	-	97.851.992.272	-	37.542.775.910	97.851.992.272
- Chi phí phải trả	25.405.995.624	-	23.696.187.344	-	25.405.995.624	23.696.187.344
- Các khoản phải trả khác	1.458.684.925	-	1.317.658.106	-	1.458.684.925	1.317.658.106
TỔNG CỘNG	217.226.684.767	-	292.399.215.762	-	217.226.684.767	292.399.215.762